



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **NGHỀ CÁ BIỂN**

Tập 4 - năm 2025



Website: <http://www.rimf.org.vn>

Tập 4 - năm 2025

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. Nguyễn Khắc Bát

Ban biên tập

TS. Nguyễn Văn Nguyên (Phụ trách)

TS. Nguyễn Phi Toàn

TS. Đỗ Anh Duy

Thư ký biên tập và trình bày

CN. Vũ Thị Thu Hằng

Địa chỉ: Viện nghiên cứu Hải sản
224 Lê Lai - Ngô Quyền - Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 3836656 - 3837898
Fax: (84-225) 3836812
Email: vhs@rimf.org.vn

TRONG SỐ NÀY:

THÔNG TIN - HOẠT ĐỘNG

- Viện nghiên cứu Hải sản tham gia trưng bày sản phẩm tại Hội chợ Mùa thu lần thứ nhất - năm 2025 1
Vũ Thị Thu Hằng
- Hội nghị đánh giá nghiệm thu cơ sở đề tài: “Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, sinh thái loài cáy mật tại Vườn quốc gia Xuân Thủy phục vụ khai thác và bảo tồn” 2
Vũ Thị Thu Hằng
- Hội thảo triển khai nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá, xây dựng quy hoạch chi tiết khu bảo tồn biển Hòn Ngư - Đảo Mất, tỉnh Nghệ An” 3
Đỗ Anh Duy
- Hội nghị nghiệm thu cấp cơ sở nhiệm vụ: “Xây dựng quy trình và định mức kinh tế kỹ thuật trong điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản” 5
Vũ Thị Thu Hằng, Vũ Việt Hà
- Hội nghị đánh giá nghiệm thu niên độ năm 2025 nhiệm vụ: “Đánh giá nguyên nhân gây suy giảm hệ sinh thái thảm cỏ biển và đề xuất giải pháp quản lý, khai thác bền vững hệ sinh thái thảm cỏ biển ở khu bảo tồn biển Việt Nam” 7
Vũ Thị Thu Hằng
- Hội nghị đánh giá nghiệm thu niên độ năm 2025 nhiệm vụ: “Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật thu gom, xử lý rác thải nhựa (ngư lưới cụ, rác thải nhựa sinh hoạt) đối với các hoạt động khai thác thủy sản” 9
Vũ Thị Thu Hằng

KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ

- Hướng dẫn kỹ thuật trồng phục hồi rong câu chân vịt bằng phương pháp cấy cố định trên nền đáy tự nhiên 10
Đỗ Anh Duy, Bùi Minh Tuấn,
Phạm Trần Đình Nho, Nguyễn Văn Thành

VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN THAM GIA TRƯNG BÀY SẢN PHẨM TẠI HỘI CHỢ MÙA THU LẦN THỨ NHẤT - NĂM 2025

Sáng 26/10/2025, Hội chợ Mùa thu lần thứ nhất - năm 2025 với quy mô lớn nhất từ trước đến nay đã chính thức khai mạc và diễn ra đến hết ngày 04/11 tại Trung tâm Triển lãm Việt Nam (VEC), quy tụ nhiều sản vật đặc trưng của 34 tỉnh, thành phố trên cả nước, mang theo kỳ vọng kết nối giao thương, chuỗi cung ứng và thúc đẩy tiêu dùng.



*Hội chợ Mùa thu lần thứ nhất - năm 2025
sôi động trong ngày đầu đón khách.*

Trong không gian rộng hơn 130.000 m², Hội chợ Mùa thu đang diễn ra là “Siêu hội chợ 6 nhất”: Quy mô lớn nhất; không gian hiện đại nhất; sản phẩm phong phú nhất; chất lượng cao nhất; hoạt động hấp dẫn nhất; chính sách ưu đãi tốt nhất. Hội chợ là sự kiện kinh tế - văn hóa có quy mô quốc gia, do Bộ Công thương chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND thành phố Hà Nội, Tập đoàn Vingroup cùng các bộ, ngành và địa phương tổ chức.

Với chủ đề và thông điệp: “Kết nối con người với sản xuất, kinh doanh”, Hội chợ Mùa thu lần thứ nhất - năm 2025 gồm 05 phân khu chủ đề, với khoảng 3.000 gian

hàng; khu văn hóa ẩm thực của 34 địa phương; chương trình nhạc hội, văn nghệ, trải nghiệm văn hóa nghệ thuật...



*Gian trưng bày của Viện nghiên cứu
Hải sản tại Hội chợ Mùa thu năm 2025*

Tại đây, Viện nghiên cứu Hải sản, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã tham gia trưng bày các sản phẩm từ các đề tài/dự án nghiên cứu, gồm có: Nhóm các sản phẩm GTGT từ rong biển: Nước uống rong biển, gia vị rong biển (gia vị rắc cơm), sốt rong biển, thạch và bột thạch giàu i-ốt, rong nho tách nước; Nhóm sản phẩm GTGT từ sữa biển: Nước uống giàu Collagen từ sữa biển, sữa tắm gia vị, sữa ăn liền; Nhóm sản phẩm từ phụ phẩm thủy sản: Sốt ăn liền, sốt kho cá và Rượu hào.

Thông qua gian hàng tại Hội chợ, Viện nghiên cứu Hải sản đã giới thiệu đến các nhà khoa học, nhà quản lý, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất các sản phẩm nghiên cứu có triển vọng, có tính khả thi trong ứng

dụng vào sản xuất, góp phần phát triển bền vững ngành thủy sản theo hướng nâng cao giá trị.

Vũ Thị Thu Hằng

HỘI NGHỊ ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU CƠ SỞ ĐỀ TÀI:

“Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, sinh thái loài cá mập tại Vườn quốc gia Xuân Thủy phục vụ khai thác và bảo tồn”

Cá mập (*Neosarmatium smithi*) là loài đặc hữu phân bố trong hệ sinh thái rừng ngập mặn, chúng đóng vai trò rất quan trọng như là sinh vật tiêu thụ - phân hủy thảm lá mục, qua đó làm sạch tồn dư mùn bã hữu cơ trong nền đáy hệ sinh thái rừng ngập mặn. Với tập tính sống đào hang, hoạt động này của chúng giúp cho môi trường nền đáy thảm thực vật rừng ngập mặn được tơi xốp, giúp lưu thông yếm khí, giải phóng các loại khí ô nhiễm trong đất (Pestana *et al.*, 2017). Thông qua những đặc điểm đó, loài cá mập đã góp phần (trực tiếp và gián tiếp) làm tăng năng suất sinh học, cải thiện môi trường sống trong hệ sinh thái rừng ngập mặn. Đối với con người, loài cá mập là nguồn thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao và là đối tượng khai thác mang lại nguồn thu nhập cho người dân sống dựa vào nguồn lợi trọng hệ sinh thái rừng ngập mặn.

Sáng ngày 11/11/2025, Viện nghiên cứu Hải sản tổ chức Hội nghị đánh giá nghiệm thu cơ sở đề tài: “Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, sinh thái loài cá mập tại Vườn quốc gia Xuân Thủy phục vụ khai thác và bảo tồn” do ThS. Lại Duy Phương làm chủ nhiệm. TS. Nguyễn Văn Nguyên, Phó Viện trưởng chủ trì Hội nghị.



ThS. Lại Duy Phương, chủ nhiệm đề tài trình bày báo cáo tại Hội nghị

Tại Hội nghị, chủ nhiệm đề tài đã trình bày thông tin chung về nhiệm vụ như: Mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu cũng như kết quả đạt được của đề tài. Sau khoảng hơn 3 năm thực hiện, đề tài đã xây dựng được quy trình sản xuất giống cá mập nhân tạo; sản xuất thử nghiệm được 106.000 con giống; thử nghiệm 02 mô hình bảo tồn, phục hồi nguồn lợi cá mập tại Vườn quốc gia Xuân Thủy (01 mô hình sử dụng nguồn giống nhân tạo; 01 mô hình duy trì các quần thể cá mập trong điều kiện tự nhiên). Sau 6 tháng, mô hình thả giống nhân tạo, tỉ lệ sống đạt 67%. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu đã đề xuất được 03 nhóm giải pháp bảo tồn và phát triển bền vững nguồn lợi loài cá mập tại Vườn quốc gia Xuân Thủy.



Photo: LD. Phương

Loài cáy mật Neosarmatium smithi (H. Milne Edwards, 1853)

Đề tài là nghiên cứu đầu tiên tại Việt Nam xây dựng nền tảng khoa học cho sản xuất giống nhân tạo loài cáy mật - một mắt xích quan trọng trong chuỗi dinh dưỡng rừng ngập mặn. Đề tài có những đóng góp thiết thực trong quản lý và bảo tồn nguồn lợi cáy mật tại Vườn quốc gia Xuân Thủy.

Với những kết quả đã đạt được, Hội đồng đánh giá cao ý nghĩa khoa học và giá trị thực tiễn của đề tài, kết quả đánh giá xếp loại Đạt. Hội đồng đề nghị Ban chủ nhiệm đề tài tiếp thu, chỉnh sửa theo các ý kiến kết luận của Hội đồng trước khi trình hồ sơ nghiệm thu cấp quản lý tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình.

Vũ Thị Thu Hằng

HỘI THẢO TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ:

“Điều tra, đánh giá, xây dựng quy hoạch chi tiết khu bảo tồn biển Hòn Ngu - Đảo Mắt, Tỉnh Nghệ An”

Nghệ An là tỉnh ven biển có đường bờ biển dài 82 km, diện tích vùng biển rộng 4.230 hải lý vuông, nằm trong vùng biển Vịnh Bắc Bộ. Nơi đây có ngư trường rộng lớn, có nguồn lợi thủy sản đa dạng và phong phú, là nơi tập trung nhiều loài hải sản có giá trị kinh tế cao như cá mú, cá thu, cá chim, tôm hùm, mực... Đặc biệt, vùng biển quanh đảo Hòn Ngu - Đảo Mắt được xem là khu vực quan trọng trong việc cung cấp tài nguyên sinh vật và đa dạng sinh học cho vùng biển Nghệ An. Sự hiện diện của các hệ sinh thái điển hình như rạn san hô, vùng triều bờ đá và vùng đáy mềm, nơi sinh sống và phát triển của

nhiều loài thủy sản, đã góp phần làm cho vùng biển ven đảo Hòn Ngu - Đảo Mắt có tính đa dạng sinh học cao và là ngư trường quan trọng đối với hoạt động nghề cá ven bờ của cộng đồng ngư dân ven biển.

Tuy vậy, do các tác động từ tự nhiên và con người trong việc quản lý và sử dụng tài nguyên hiện nay đã và đang tác động mạnh đến môi trường sinh thái và đa dạng sinh học tại vùng biển này. Nguồn lợi thủy sản tự nhiên đang ngày càng bị suy giảm, đặc biệt là việc khai thác thủy sản không đúng quy định như sử dụng xung điện, chất độc, chất nổ và các nghề, ngư cụ cấm để khai thác thủy sản vẫn diễn ra; việc buôn bán,

tiêu thụ các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm với mức độ ngày càng tinh vi, khó phát hiện và xử lý. Hệ sinh thái rạn san hô đang có nguy cơ suy thoái nghiêm trọng, một số loài thủy sản quý, hiếm đứng trước nguy cơ bị tuyệt chủng; hành vi vi phạm các quy định của nhà nước về thủy sản xảy ra ở nhiều nơi, khó kiểm soát, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ở nhiều địa phương còn chưa được thực hiện quyết liệt và triệt để. Do vậy cần có những giải pháp quản lý, quyết liệt nhằm chủ động và triển khai có hiệu quả công tác bảo vệ, khôi phục và phát triển nguồn lợi thủy sản, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phát triển bền vững.

Nhận thức được tầm quan trọng của đa dạng sinh học và nguồn lợi sinh vật biển tại khu vực này, Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 29/3/2021; Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 12/12/2022; Kế hoạch số 608/KH-UBND ngày 18/8/2023; Kế hoạch số 767/KH-UBND ngày 12/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đều đặt trọng tâm trong việc điều tra, khảo sát, xây dựng quy hoạch chi tiết, thành lập và đi vào hoạt động Khu bảo tồn Hòn Ngư - Đảo Mắt. Đặc biệt gần đây nhất, Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định cần thành lập mới Khu bảo tồn biển Hòn Ngư - Đảo Mắt để bảo vệ các hệ sinh thái, các loài thủy sinh vật biển có giá trị kinh tế, khoa học; phát triển nguồn lợi tự nhiên; góp phần phát triển kinh tế biển, cải thiện sinh kế của cộng đồng ngư dân địa phương.

Từ thực tiễn đó, sáng ngày 18/10/2025, Viện nghiên cứu Hải sản đã tổ chức Hội

thảo khoa học góp ý cho các phương án triển khai nhiệm vụ: “*Điều tra, đánh giá, xây dựng Quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn biển Hòn Ngư - Đảo Mắt, tỉnh Nghệ An*” do TS. Nguyễn Khắc Bát, Viện trưởng Viện nghiên cứu Hải sản làm chủ nhiệm.



TS. Hoàng Đình Chiêu, Tư vấn phó trình bày báo cáo tại Hội thảo

Đồng chủ trì Hội thảo gồm: TS. Nguyễn Văn Nguyên, Phó Viện trưởng Viện nghiên cứu Hải sản và Ông Trần Xuân Học, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An. Tham dự Hội thảo có đại diện Lãnh đạo Viện nghiên cứu Hải sản - TS. Nguyễn Phi Toàn, Phó Viện trưởng; đại diện Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư tỉnh Nghệ An - Ông Lê Văn Hương, Phó Chi cục trưởng; đại diện lãnh đạo các đơn vị thuộc Viện nghiên cứu Hải sản: Phòng nghiên cứu Bảo tồn biển, Phòng nghiên cứu Công nghệ khai thác, Phòng nghiên cứu Nguồn lợi hải sản, Trung tâm Quan trắc Môi trường biển, Trung tâm Phát triển nghề cá Vịnh Bắc Bộ; cán bộ quản lý khoa học, cán bộ phụ trách công tác tài chính Viện nghiên cứu Hải sản; cán bộ phụ trách kế hoạch tài chính Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An và đông đủ các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ tham dự.



Ông Trần Xuân Học, Phó Giám đốc Sở NN&MT Nghệ An phát biểu tại Hội thảo

Nhiệm vụ đặt ra mục tiêu: Xây dựng được luận chứng khoa học làm cơ sở cho việc quy hoạch chi tiết và hoàn thiện được hồ sơ quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn biển Hòn Ngu - Đảo Mắt trình Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An thẩm định, phê duyệt. Để thực hiện được mục tiêu này, nhiệm vụ đặt ra các mục tiêu cụ thể cần giải quyết gồm: 1) Điều tra, đánh giá được đặc điểm địa lý, môi trường, tài nguyên sinh vật và các giá trị văn hóa - lịch sử liên quan đến Khu bảo tồn biển Hòn Ngu - Đảo Mắt; 2) Điều tra, đánh giá được đặc điểm kinh tế - xã hội nghề cá; chính sách và năng lực của chính quyền địa phương; các yếu tố tác động đến Khu bảo tồn biển Hòn Ngu - Đảo Mắt; 3) Xây dựng, hoàn thiện được hồ sơ quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn biển Hòn Ngu - Đảo Mắt trình Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An thẩm định, phê duyệt.

Để đạt được các mục tiêu cụ thể trên, nhiệm vụ đặt ra 05 nội dung chính cần thực hiện gồm: 1) Thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu lịch sử nghiên cứu về điều kiện tự nhiên, môi trường, đa dạng sinh học, hệ sinh thái, nguồn lợi hải sản, kinh tế - xã hội nghề cá liên quan đến Khu bảo tồn biển Hòn Ngu - Đảo Mắt; 2) Đánh giá điều kiện môi trường vùng biển Khu bảo tồn biển Hòn Ngu - Đảo Mắt; 3) Điều tra, đánh giá tài nguyên sinh vật và các giá trị văn hóa - lịch sử liên quan đến Khu bảo tồn biển Hòn Ngu - Đảo Mắt; 4) Điều tra, đánh giá đặc điểm kinh tế - xã hội nghề cá, chính sách và năng lực của chính quyền địa phương, các yếu tố tác động đến Khu bảo tồn biển Hòn Ngu - Đảo Mắt; 5) Quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn biển Hòn Ngu - Đảo Mắt, tỉnh Nghệ An.

Thông qua Hội thảo, Ban Chủ nhiệm nhiệm vụ đã nhận được nhiều ý kiến góp ý, trao đổi và thảo luận nhằm bổ sung, hoàn thiện bản kế hoạch, phương án triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Kết thúc Hội thảo, Phó Viện trưởng Nguyễn Văn Nguyên, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An Trần Xuân Học đề nghị Ban chủ nhiệm nhiệm vụ tiếp thu ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học để triển khai thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất.

Đỗ Anh Duy

HỘI NGHỊ NGHIỆM THU CẤP CƠ SỞ NHIỆM VỤ

“Xây dựng quy trình và định mức kinh tế kỹ thuật trong điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản”

Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản là một trong những hoạt động quan trọng, cần thiết nhằm xác định hiện trạng và biến động nguồn lợi, góp phần

cung cấp thông tin khoa học cho công tác bảo vệ nguồn lợi và quản lý nghề cá ở nước ta. Trong những năm qua, công tác điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là

nguồn lợi hải sản được thực hiện thường xuyên, liên tục bằng các phương pháp khác nhau tương ứng với từng đối tượng nguồn lợi cụ thể, như điều tra nguồn lợi hải sản tầng đáy bằng lưới kéo đáy, lồng bẫy, câu vàng đáy, lưới rê tầng đáy; điều tra nguồn lợi cá nổi nhỏ bằng thủy âm, điều tra nguồn lợi cá nổi lớn bằng lưới rê và câu vàng và điều tra nghề cá thương phẩm. Mỗi phương pháp điều tra được áp dụng dựa trên đặc điểm nguồn lợi, tập tính sinh học của đối tượng điều tra. Năm 2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 57/2010/TT-BTMNT quy định kỹ thuật khảo sát điều tra tổng hợp tài nguyên và môi trường biển từ 20 m trở lên bằng tàu biển. Nội dung điều tra bằng thủy âm đã được quy định tại Điều 57, mục 3, khoản c. Thông tư số 24/20023/TT-BTNMT quy định về định mức kinh tế kỹ thuật (KTKT) điều tra, khảo sát điều tra tổng hợp tài nguyên và môi trường biển từ 20 m trở lên bằng tàu biển, tuy nhiên định mức KTKT đối với điều tra bằng phương pháp thủy âm vẫn chưa được quy định.

Đối với điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản từ tiếp cận nghề cá thương phẩm theo Luật Thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2019 “Hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản”. Tại Chương II, Điều 5 Hướng dẫn thực hiện điều tra nghề cá thương phẩm đã quy định khung của công tác điều tra nghề cá thương phẩm gồm: a) Thống kê tàu cá; b) Thông tin về hoạt động khai thác của các đội tàu cá, sản lượng khai thác, giá bán sản phẩm khai thác; 3) Thu, phân tích mẫu sinh học nghề cá. Tuy nhiên, cho đến nay quy trình điều tra nghề cá thương phẩm vẫn chưa được xây dựng để ban hành và áp dụng vào thực tiễn công tác điều tra nghiên cứu nghề cá biển.

Do đó, việc xây dựng quy trình và định mức KTKT điều tra nghề cá thương phẩm và xây dựng định mức KTKT điều tra bằng thủy âm là cần thiết để hoàn thiện khu pháp lý cho công tác điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản phục vụ quản lý nghề cá.

Ngày 15/10/2025, Cục Thủy sản và Kiểm ngư đã ký hợp đồng tư vấn với Liên danh Viện nghiên cứu Hải sản và Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thực hiện gói thầu: “Xây dựng quy trình và định mức kinh tế kỹ thuật trong điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản” do TS. Vũ Việt Hà làm chủ nhiệm. Sau một thời gian thực hiện, ngày 03/12/2025, Viện nghiên cứu Hải sản tổ chức Hội nghị đánh giá, nghiệm thu gói thầu. TS. Nguyễn Khắc Bát, Viện trưởng chủ trì buổi họp hội đồng đánh giá phân công việc do Viện nghiên cứu Hải sản thực hiện.



TS. Vũ Việt Hà, chủ nhiệm nhiệm vụ trình bày báo cáo tại Hội nghị

Tại Hội nghị, chủ nhiệm nhiệm vụ đã trình bày thông tin chung về nhiệm vụ như: Mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu cũng như kết quả đạt được của nhiệm vụ. Mục tiêu của nhiệm vụ là: 1) Xây dựng quy trình điều tra, đánh giá nghề cá thương phẩm ở vùng biển Việt Nam; 2) Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật điều tra nghề cá thương phẩm; 3) Xây dựng định mức KTKT áp dụng trong điều tra nguồn lợi cá

biển bằng phương pháp thủy âm; 4) Rà soát, hoàn thiện quy trình và định mức KTKT điều tra nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản ở các thủy vực nội địa. Để đạt được các mục tiêu nêu trên, nhiệm vụ đã thực hiện các nội dung như: 1) Thu thập, tổng hợp các tài liệu, các quy trình, quy định, các định mức KTKT có liên quan đến công tác điều tra nghiên cứu nguồn lợi thủy sản và các tài liệu có liên quan; 2) Nghiên cứu nội dung, yêu cầu của công tác điều tra, đánh giá nguồn lợi từ tiếp cận độc lập nghề cá, tiếp cận nghề cá để thiết kế nội dung quy trình và định mức KTKT phù hợp cho công tác điều tra nghề cá thương phẩm (điều tra hoạt động khai thác hải sản và thu và phân tích mẫu sinh

học nghề cá) và định mức KTKT cho điều tra bằng phương pháp thủy âm; 3) Xây dựng bố cục, nội dung cơ bản của quy trình và định mức kinh tế kỹ thuật; 4) Tổ chức lấy ý kiến của các chuyên gia, tổ chức theo trình tự quy định của pháp luật để hoàn thiện quy trình; 5) Hoàn thiện bản dự thảo quy trình và định mức kinh tế kỹ thuật.

Với những kết quả đã đạt được, hội đồng đánh giá cao ý nghĩa khoa học và giá trị thực tiễn của nhiệm vụ, kết quả đánh giá xếp loại Đạt yêu cầu. Hội đồng đề nghị Ban Chủ nhiệm nhiệm vụ tiếp thu, chỉnh sửa theo các ý kiến kết luận của Hội đồng trước khi trình hồ sơ nghiệm thu cấp quản lý.

Vũ Thị Thu Hằng, Vũ Việt Hà

HỘI NGHỊ ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU NIÊN ĐỘ NĂM 2025

Nhiệm vụ: “Đánh giá nguyên nhân gây suy giảm hệ sinh thái thảm cỏ biển và đề xuất giải pháp quản lý, khai thác bền vững hệ sinh thái thảm cỏ biển ở khu bảo tồn biển Việt Nam”

Sáng ngày 11/12/2025, Viện nghiên cứu Hải sản tổ chức Hội nghị đánh giá nghiệm thu niên độ năm 2025, nhiệm vụ: “Đánh giá nguyên nhân gây suy giảm hệ sinh thái thảm cỏ biển và đề xuất giải pháp quản lý, khai thác bền vững hệ sinh thái thảm cỏ biển ở khu bảo tồn biển Việt Nam” do TS. Đỗ Anh Duy làm chủ nhiệm. TS. Nguyễn Văn Nguyên, Phó Viện trưởng chủ trì Hội nghị.



TS. Đỗ Anh Duy trình bày báo cáo

Nhiệm vụ chuyên môn: “Đánh giá nguyên nhân gây suy giảm hệ sinh thái thảm cỏ biển và đề xuất giải pháp quản lý, khai thác bền vững hệ sinh thái thảm cỏ biển ở khu bảo tồn biển Việt Nam” (gọi tắt là nhiệm vụ *Hệ sinh thái thảm cỏ biển*) được phê duyệt theo Quyết định số 4733/QĐ-BNN-KHCN ngày 25/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc phê duyệt Danh mục và kinh phí nhiệm vụ môi trường bắt đầu thực hiện từ năm 2025. Thời gian thực hiện 36 tháng, từ tháng 01/2025 - 12/2027.

Sau 12 tháng triển khai thực hiện (01/2025 - 12/2025), nhiệm vụ “*Hệ sinh thái thảm cỏ biển*” đã hoàn thành khối lượng công việc, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo niên độ năm 2025, với các kết quả chính đã đạt được như sau: 1) Tổng

hợp, phân tích đánh giá thực trạng nghiên cứu hệ sinh thái thảm cỏ biển; các kỹ thuật, mô hình trồng phục hồi cỏ biển trên thế giới và tại Việt Nam; 2) Xây dựng dự thảo hướng dẫn kỹ thuật trồng phục hồi cỏ biển tại vùng cỏ biển bị suy giảm; 3) Điều tra, khảo sát bổ sung đánh giá thành phần loài, độ phủ, sinh lượng và diện tích thảm cỏ biển tại Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm; phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường; lựa chọn loài, lựa chọn địa điểm trồng phục hồi cỏ biển tại vùng cỏ biển bị suy giảm tại

Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm; 4) Triển khai trồng phục hồi cỏ biển tại Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm bằng phương pháp trồng cố định trên nền đáy, với quy mô diện tích trồng phục hồi năm 2025 là 250 m² và tạo 50 m² vườn ươm cỏ biển tại khu vực Bãi Bắc, thuộc Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm; 5) Phân tích, đánh giá một số yếu tố môi trường nền trong quá trình trồng phục hồi cỏ biển; phân tích, đánh giá mật độ chồi và độ phủ cỏ biển tại khu vực trồng phục hồi và vườn ươm cỏ biển năm 2025.



Một số hình ảnh tổ chức triển khai trồng phục hồi cỏ biển

Kết quả thực hiện năm 2025 của nhiệm vụ là cơ sở cho nghiên cứu các năm tiếp theo, góp phần phục hồi và phát triển hệ sinh thái thảm cỏ biển tại các vùng cỏ biển bị suy giảm tại Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm.

Với những kết quả đã đạt được, Hội đồng nhất trí thông qua kết quả của nhiệm vụ và đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường nghiệm thu niên độ năm 2025.

Vũ Thị Thu Hằng

HỘI NGHỊ ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU NIÊN ĐỘ NĂM 2025

Nhiệm vụ: “Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật thu gom, xử lý rác thải nhựa (ngư lưới cụ, rác thải nhựa sinh hoạt) đối với các hoạt động khai thác thủy sản”

Chiều ngày 11/12/2025, Viện nghiên cứu Hải sản tổ chức Hội nghị đánh giá nghiệm thu niên độ năm 2025, nhiệm vụ: “Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật thu gom, xử lý rác thải nhựa (ngư lưới cụ, rác thải nhựa sinh hoạt) đối với các hoạt động khai thác thủy sản” do TS. Phan Đăng Liêm làm chủ nhiệm. TS. Nguyễn Phi Toàn, Phó Viện trưởng chủ trì Hội nghị.



TS. Phan Đăng Liêm trình bày báo cáo tại Hội nghị

Nhiệm vụ chuyên môn: “Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật thu gom, xử lý rác thải nhựa (ngư lưới cụ, rác thải nhựa sinh hoạt) đối với các hoạt động khai thác thủy sản” được phê duyệt theo Quyết định số 4733/QĐ-BNN-KHCN ngày 25/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc phê duyệt Danh mục và kinh phí nhiệm vụ môi trường bắt đầu thực hiện từ năm 2025; Danh mục và kinh phí nhiệm vụ môi trường thường xuyên thực hiện năm 2025. Thời gian thực hiện 24 tháng, từ tháng 01/2025 - 12/2026.

Sau 12 tháng triển khai thực hiện (từ tháng 01/2025 đến tháng 12/2025), nhiệm vụ đã hoàn thành khối lượng công việc, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo niên độ năm 2025, với các kết quả chính đã đạt được như sau: Tổng quan các thông tin, dữ liệu, các công trình nghiên cứu liên quan đến rác thải nhựa (ngư lưới cụ, rác thải nhựa sinh hoạt) đối với các hoạt động khai thác thủy sản ở trong và ngoài nước; Tổng quan các văn bản, chính sách, quy định ở trong và ngoài nước liên quan đến quản lý rác thải nhựa (ngư lưới cụ, rác thải nhựa sinh hoạt) đối với các hoạt động khai thác thủy sản; Tổng hợp kinh nghiệm trong và ngoài nước về thu gom, xử lý rác thải nhựa (ngư lưới cụ, rác thải nhựa sinh hoạt) đối với các hoạt động khai thác thủy sản; Điều tra, thu thập số liệu về hiện trạng thu gom, xử lý rác thải nhựa (ngư lưới cụ, rác thải nhựa sinh hoạt) đối với các hoạt động khai thác thủy sản; Xây dựng báo cáo: Xây dựng được 04 báo cáo tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước và 03 báo cáo chuyên đề khoa học.

Kết quả thực hiện năm 2025 của nhiệm vụ là cơ sở cho nghiên cứu các năm tiếp theo, góp phần giảm thiểu ô nhiễm rác thải nhựa đại dương đối với các hoạt động khai thác thủy sản.

Với những kết quả đã đạt được, Hội đồng nhất trí thông qua kết quả của nhiệm vụ và đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường nghiệm thu niên độ năm 2025.

Vũ Thị Thu Hằng

HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT TRỒNG PHỤC HỒI RONG CÂU CHÂN VỊT BẰNG PHƯƠNG PHÁP CÂY CỎ ĐỊNH TRÊN NỀN ĐÁY TỰ NHIÊN

Đỗ Anh Duy, Bùi Minh Tuấn
Phạm Trần Đình Nho, Nguyễn Văn Thành
Viện nghiên cứu Hải sản

LỜI NÓI ĐẦU

Rong câu chân vịt (*Hydropuntia eucheumatoides* (Harvey) Gurgel & Fredericq, 2004) thuộc chi rong câu túi *Hydropuntia*, họ rong câu Gracilariaceae, bộ rong câu Gracilariales, ngành rong đỏ Rhodophyta, là đối tượng có ý nghĩa kinh tế quan trọng. Rong câu chân vịt là loài rong biển có giá trị kinh tế cao, loại thực phẩm rất có lợi cho sức khỏe con người do chứa nhiều canxi và iốt. Ngoài ra rong câu chân vịt còn có tính thanh nhiệt rất thích hợp dùng trong mùa hè. Chúng được sử dụng như rau xanh, dùng để nấu thạch giải khát hoặc chế biến thành các món ăn tráng miệng, sử dụng làm nguyên liệu chế biến agar và nhiều công dụng khác. Với giá trị như vậy nên hiện nay loài rong này đang bị khai thác quá mức, nguồn lợi rong câu chân vịt ngoài tự nhiên hiện đang bị suy giảm nghiêm trọng.

Trong các chuyến điều tra khảo sát nguồn lợi rong biển tại các đảo tiền tiêu ở biển Việt Nam do Viện nghiên cứu Hải sản thực hiện cho thấy, do có giá trị kinh tế cao nên rong câu chân vịt bị khai thác mạnh mẽ và thường xuyên làm cho số lượng và sản lượng tự nhiên bị giảm sút nghiêm trọng. Loài rong này đã được đưa vào Sách Đỏ Việt Nam năm 1996 và 2007

với mức độ đe dọa: Nguy cấp EN A1a,c,d (có nguy cơ tuyệt chủng lớn); được đưa vào Danh lục Đỏ Việt Nam (2024), phân hạng ở mức CR A2c,d (Cực kỳ nguy cấp), với biện pháp bảo vệ đề xuất là bảo vệ sinh cảnh sống của loài, hạn chế san lấp và làm ô nhiễm vùng nước ven biển, khoanh vùng bảo tồn tại chỗ với biện pháp bảo vệ đề xuất là chọn một khu bảo vệ nguyên vẹn, tổ chức khai thác có mức độ ở các khu khác. Tuy nhiên hiện nay, rong câu chân vịt phân bố tự nhiên hầu hết chưa được khoanh vùng bảo vệ (trừ nằm trong phân vùng bảo tồn của một số khu bảo tồn biển), chưa có biện pháp bảo vệ, tổ chức khai thác phù hợp, vì vậy chúng đang bị khai thác quá mức, có nguy cơ đe dọa tuyệt chủng.

Với đặc tính tái sinh dinh dưỡng là chủ yếu, rong bám vào thể nền nhờ các mấu bám dạng đĩa bám được hình thành ở mặt dưới các nhánh bò khi tiếp xúc với mặt thể nền đáy cứng, đây là một trong những đặc tính quan trọng để phục hồi nguồn lợi loài rong này bằng phương pháp cây cỏ định trên nền đáy tự nhiên. Tuy nhiên hiện nay trên thế giới cũng như tại Việt Nam còn ít nghiên cứu nhằm phục hồi, phát triển nguồn lợi loài rong biển giá trị, quý, hiếm này.

Để có cơ sở cho việc nghiên cứu phục hồi và phát triển nguồn lợi loài rong biển giá trị này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) đã giao cho Viện nghiên cứu Hải sản triển khai thực hiện đề tài KH&CN tiềm năng cấp Bộ: “*Nghiên cứu khả năng trồng phục hồi rong câu chân vịt *Hydropuntia eucheumatoides* (Harvey) Gurgel & Fredericq, 2004*”, thời gian thực hiện từ tháng 01/2023 đến tháng 6/2025. Từ các dữ liệu khoa học thu được, kết hợp tham khảo các công trình nghiên cứu liên quan, sản phẩm “*Hướng dẫn kỹ thuật trồng phục hồi rong câu chân vịt bằng phương pháp cấy cố định trên nền đáy tự nhiên*” được ra đời từ kết quả nghiên cứu thực nghiệm trồng phục hồi rong câu chân vịt tại Khu bảo tồn biển Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Hướng dẫn này cung cấp những thông tin cơ bản về đặc điểm sinh học, sinh thái và kỹ thuật trồng phục hồi rong câu chân vịt, để ứng dụng trong lưu giữ, bảo tồn, phục hồi và phát triển nguồn gen nguy cấp, quý, hiếm và có giá trị kinh tế cao này.

THAM GIA XÂY DỰNG

Sản phẩm này được biên soạn và xây dựng bởi Viện nghiên cứu Hải sản với sự hợp tác của đơn vị tham gia là Ban quản lý Khu bảo tồn biển Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Để thăm dò khả năng trồng phục hồi và đánh giá khả năng phát triển loài rong biển này, năm 2023-2024, Viện nghiên cứu Hải sản đã phối hợp với Khu bảo tồn biển Lý Sơn tiến hành các chuyến điều tra, khảo sát để đánh giá một số đặc điểm sinh học, sinh thái phân bố; lựa chọn khu vực trồng phục và thử nghiệm trồng phục hồi rong câu chân vịt bằng phương pháp cấy

cố định trên nền đáy tự nhiên; phân tích, đánh giá khả năng sinh trưởng và phát triển, khả năng phục hồi rong câu chân vịt. Từ kết quả thu được, sản phẩm “*Hướng dẫn kỹ thuật trồng phục hồi rong câu chân vịt bằng phương pháp cấy cố định trên nền đáy tự nhiên*” đã được ra đời để hỗ trợ cho các Vườn quốc gia có biển, Khu bảo tồn biển, Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, các tổ chức, doanh nghiệp, địa phương và cộng đồng người dân có liên quan trong trồng phục hồi loài rong câu chân vịt nguy cấp, quý, hiếm và có giá trị kinh tế này.

Để hoàn thành sản phẩm hướng dẫn kỹ thuật này, Viện nghiên cứu Hải sản đã nhận được sự tham gia, hỗ trợ, góp ý của Ban quản lý Khu bảo tồn biển Lý Sơn, các chuyên gia, nhà khoa học, các thành viên tham gia đề tài và người dân địa phương.

TÁC GIẢ

Nhóm tác giả:

TS. Đỗ Anh Duy

ThS. Bùi Minh Tuấn

KS. Phạm Trần Đình Nho

KS. Nguyễn Văn Thành

Tổ chức: Viện nghiên cứu Hải sản

Địa chỉ: Số 224 Lê Lai, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3836656

Fax: 0225.3836812

Website: <http://www.rimf.org.vn>

XUẤT XỨ

Hướng dẫn kỹ thuật là sản phẩm của đề tài KH&CN tiềm năng cấp Bộ: “*Nghiên cứu khả năng trồng phục hồi rong câu*

chân vịt *Hydropuntia eucheumatoides* (Harvey) Gurgel & Fredericq, 2004”, được phê duyệt theo Quyết định số 3315/QĐ-BNN-KHCN ngày 31/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), do Viện nghiên cứu Hải sản chủ trì thực hiện từ tháng 01/2023 - 6/2025.

ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG

Đối tượng áp dụng: Các Vườn quốc gia có biển, Khu bảo tồn biển, Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, các tổ chức, doanh nghiệp, địa phương và cộng đồng người dân có liên quan trong trồng phục hồi loài rong câu chân vịt.

Phạm vi áp dụng: Áp dụng đối với các vùng biển có điều kiện về tự nhiên, môi trường phù hợp cho quá trình trồng phục hồi, sinh trưởng, phát triển và quản lý rong câu chân vịt sau trồng phục hồi.

MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Mục đích sử dụng: Cung cấp các thông tin cơ bản về đặc điểm sinh học, sinh thái, kỹ thuật trồng phục hồi rong câu chân vịt bằng phương pháp cấy cố định trên nền đáy tự nhiên; đáp ứng nhu cầu của các Vườn quốc gia có biển, Khu bảo tồn biển, Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, các tổ chức, doanh nghiệp, địa phương và cộng đồng người dân có liên quan trong trồng phục hồi loài rong câu chân vịt.

HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT

Phần 1. ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC

1.1. Vị trí trong phân loại

Ngành rong đỏ: Rhodophyta

Lớp rong đỏ thực thụ: Florideophyceae

Bộ rong câu: Gracilariales

Họ rong câu: Gracilariaceae

Chi rong câu túi: *Hydropuntia*

Loài rong câu chân vịt: *Hydropuntia eucheumatoides* (Harvey) Gurgel & Fredericq, 2004

Tên đồng danh: *Gracilaria eucheumatoides* Harvey, 1860; *Eucheuma edule* (Kuntze) Tseng, 1935; *Ceramianthemum eucheumatoides* (Harvey) Kuntze, 1891

Tên tiếng Anh: Prostrate gracilaria

Tên tiếng Việt: Rong câu chân vịt

1.2. Đặc điểm hình thái

Rong mọc bò, có thể cao tới 10 cm, rộng đến 30-40 cm, màu nâu đỏ đến tím sẫm. Tán rong có dạng hình phiến, chất sụn cứng, chia nhánh không theo quy luật theo kiểu lông chim hoặc phân nhánh đôi, đôi khi mọc chùy. Các nhánh dẹt, dày, không có nhánh hình trụ, thường dài 1-4 cm, rộng 5-10 mm, dày 2-7 mm. Ở mép nhánh có các răng cưa hoặc u lồi, dài 1-1,5 mm; đôi khi trên bề mặt hình thành các mầm gai ngắn.

Bề mặt trên và mặt dưới nhánh có 1-2 lớp tế bào biểu bì nhỏ, hình tròn, đường kính 3-5 μ m. Mặt cắt ngang nhánh, phần vỏ gồm 3-4 lớp tế bào, lớp tế bào ngoài cùng được kéo dài theo chiều dọc ra bề mặt, dài 10-25 μ m, 2-3 lớp tế bào bên trong hình tròn, đường kính 5-10 μ m; phần lõi gồm 10-15 lớp tế bào hình tròn, hình oval, đường kính từ 35 μ m đến 300 μ m, các tế bào tăng dần kích thước từ vỏ vào lõi là từ từ. Mặt cắt dọc nhánh, các hàng tế

bào lõi xen kẽ, hình tròn, hình oval tương

đôi đồng đều.



Hình thái loài rong câu chân vịt (Hydropuntia eucheumatoides)

Ghi chú: A- Dạng sống tự nhiên; B- Tảo rong dạng phơi; C- Tảo quả lõi trên bề mặt nhánh; D- Mặt cắt dọc tảo quả

Túi tứ bào tử hình thuôn dài hoặc hình dùi, kích thước 50 x 15 µm, không cắt chữ thập, bao quanh bằng những tế bào vỏ kéo dài. Túi tinh tử hình dạng không đều, phân nhánh, thường sâu hơn rộng, kích thước 130 x 40 µm, gồm 3-6 túi nhỏ hợp thành. Tảo quả lõi trên bề mặt nhánh, có dạng hình cầu, kích thước 1-1,5 x 1,5-2 mm. Đỉnh tảo quả hơi có mũi, hơi thụt ở gốc. Vỏ tảo quả dày 400-500 µm, gồm 25-30 lớp tế bào, các lớp tế bào ngoài hình trụ đứng, kích thước 20-25 x 10-13 µm, các lớp tế bào trong hình tròn, xếp thẳng hàng,

nội chất co lại nhưng không nổi nhau. Quả bào tử hình cầu, đường kính 15-20 µm.

1.3. Đặc điểm phân bố

Rong câu chân vịt mọc thành đám, bò lan trong các kẽ đá và các tầng san hô chết, ở vùng triều thấp đến độ sâu 3-4 m. Rong phát sinh vào tháng 12, tháng 1, mọc tốt nhất từ tháng 3 đến tháng 6, phát triển kém vào mùa mưa (tháng 8-10). Tái sinh sinh dưỡng là chủ yếu. Rong bám vào thể nền nhờ các mấu bám dạng đĩa bám được hình thành ở mặt dưới các nhánh bò khi tiếp

xúc với thể nền đáy cứng để giữ rong cố định trên nền đáy, nơi sóng vừa đến mạnh.

Trên thế giới, rong câu chân vịt được ghi nhận phân bố tại khu vực Đông Nam Á (Thái Lan, Philippines, Indonesia, Malaysia, Myanmar); Tây Nam Á (Ấn Độ); Châu Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan); Châu Đại Dương (Papua New Guinea, Queensland, Australia); Ấn Độ Dương (Aldabra); Thái Bình Dương (Micronesia, Fiji, Guam, Solomon, Polynesia, Palau).

Tại Việt Nam, rong câu chân vịt được ghi nhận phân bố ở Thừa Thiên-Huế (Phú Lộc: Hải Vân-Sơn Chà); Đà Nẵng (quần đảo Hoàng Sa); Quảng Ngãi (Mộ Đức, Lý Sơn); Bình Định (vịnh Qui Nhơn, Hưng Lạc); Phú Yên (vịnh Xuân Đài); Khánh Hoà (vịnh Nha Trang, quần đảo Trường Sa); Ninh Thuận (Phan Rang: Sơn Hải, Mỹ Hoà, Mỹ Tường, Cà Ná, Thái An); Bình Thuận (Phú Quý); Bà Rịa-Vũng Tàu (Côn Đảo); Kiên Giang (Phú Quốc).

1.4. Điều kiện môi trường sống

Rong câu chân vịt ưa nhiệt độ nước biển ấm, nhiệt độ thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của rong câu chân vịt 25-30°C; độ muối cao và ổn định 30-34‰; độ pH 7,0-8,5; hàm lượng ôxy hòa tan trong nước 5,5-7,0 mg/l. Đây cũng là loài có nhu cầu ánh sáng cao, chỉ phân bố ở những khu vực nước trong, khu vực nước đục sẽ không ghi nhận được sự phân bố của loài này.

Rong câu chân vịt có khả năng hấp thụ nitơ và phospho trong môi trường nước để sinh trưởng và phát triển. Tốc độ phát triển của rong câu chân vịt ảnh hưởng trực tiếp bởi hàm lượng nitơ trong nước, chủ yếu là

các muối nitrat NO_3^- và amoni NH_4^+ , còn các muối khác như urê thì ít hiệu quả hơn. Các muối NO_3^- và NH_4^+ có tác dụng làm cho rong câu chân vịt tăng năng suất, tuy vậy nếu vượt quá giới hạn hấp thụ của rong cũng sẽ gây ức chế cho sự phát triển và gây độc cho rong câu chân vịt. Nhu cầu hấp thụ phospho của rong câu chân vịt thấp, tuy vậy nếu không có phospho thì khả năng hấp thụ nitơ cũng giảm.

1.5. Sinh trưởng, sinh sản

Nhiệt độ, độ muối, cường độ ánh sáng, nền đáy, sự lưu thông của nước ảnh hưởng trực tiếp đến sự sinh trưởng và phát triển của rong câu chân vịt. Tùy vào từng giai đoạn phát triển, tốc độ tăng trưởng trung bình có thể đạt 2-3 %/ngày về khối lượng tàn.

Trong tự nhiên, rong câu chân vịt sinh sản sinh sản sinh dưỡng bằng sinh trưởng ở đỉnh, nhánh, hình thành các nhánh bên từ tế bào vỏ; sinh sản hữu tính bằng sự kết hợp giữa tinh tử của cây giao tử đực với trứng của cây giao tử cái. Các hình thức sinh sản này có thể luân phiên xảy ra tùy thuộc vào điều kiện tự nhiên, môi trường sống.

1.6. Tình trạng

Theo Danh lục Đỏ Việt Nam (2024), loài rong câu chân vịt được phân hạng ở mức CR A2c,d: Cực kỳ nguy cấp (Critically Endangered), loài này đang đứng trước một nguy cơ cực kỳ lớn sẽ bị tuyệt chủng ngoài thiên nhiên trong một tương lai gần, được xác định bởi tiêu chuẩn: A2. Suy giảm kích cỡ quần thể $\geq 80\%$, theo quan sát, ước tính, suy đoán, nghi ngờ tính trong vòng hơn 10 năm hoặc 3 thế hệ (lấy khoảng thời gian nào dài

nhất) dựa trên (và xác định được) một trong những điểm: c. Sự suy giảm nơi cư trú, khu phân bố và/hay chất lượng nơi sinh cư và d. Mức độ khai thác hiện tại

hoặc khả năng. Biện pháp bảo vệ: Bảo vệ sinh cảnh sống của loài; hạn chế san lấp và làm ô nhiễm vùng nước ven biển; khoanh vùng bảo tồn tại chỗ.



Rong câu chân vịt phân bố tại Khu bảo tồn biển Lý Sơn

Phần 2. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT

2.1. Yêu cầu chung

Hướng dẫn kỹ thuật trồng phục hồi rong câu chân vịt (*Hydropuntia eucheumatoides*) bằng phương pháp cấy cố định trên nền đáy tự nhiên gồm một số yêu cầu chung như sau:

*** Thủ tục xin cấp phép khai thác**

Rong câu chân vịt là loài rong biển nguy cấp, quý, hiếm được quy định tại Nhóm I, Phụ lục I: Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. Tổ chức, cá nhân khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm vì mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu, hợp tác quốc tế phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản và báo cáo về kết quả thực hiện.

Đơn đề nghị cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm (mẫu số 10.BT); phương án khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (mẫu số 11.BT); văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm (mẫu số 12.BT). Sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận mới được tiến hành khai thác để trồng phục hồi rong câu chân vịt theo phương án được chấp thuận.

*** Yêu cầu về nhân lực**

Khi tiến hành trồng phục hồi rong câu chân vịt cần có sự tham gia của cán bộ chuyên môn, kỹ thuật viên, cộng tác viên, ngư dân, người dân hỗ trợ (nếu có) với những yêu cầu năng lực như sau:

- Cán bộ chuyên môn: Được đào tạo, có hiểu biết về sinh học, sinh thái học loài rong câu chân vịt, có kinh nghiệm về trồng phục hồi rong câu chân vịt.

- Kỹ thuật viên: Được tập huấn chuyên môn về phương pháp, kỹ thuật trồng phục hồi rong câu chân vịt.

- Cộng tác viên, ngư dân, người dân hỗ trợ: Được phổ biến kiến thức cơ bản về công tác trồng phục hồi rong câu chân vịt; hỗ trợ các kỹ thuật viên trong quá trình trồng phục hồi rong câu chân vịt.

*** Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, vật tư**

Một số thiết bị, dụng cụ, vật tư cơ bản cần có để trồng phục hồi gồm:

- Bộ đồ lặn sâu có khí tài SCUBA
- Máy nén khí áp suất cao
- Máy quay phim, chụp ảnh dưới nước



- Thiết bị đo các yếu tố môi trường
- Thiết bị định vị vệ tinh GPS
- Dây mặt cắt
- Phao nổi đánh dấu
- Dây thùng
- Giỏ nhựa thu mẫu, thùng xốp đựng mẫu
- Lưới inox, dây lạt nhựa
- Búa sắt, đục sắt, đinh thép
- Găng tay vải
- Quần áo bảo hộ lao động



Lưới inox (trái), phao nổi đánh dấu (phải) khu vực trồng

*** Báo cáo kết quả phục hồi**

Từ kết quả trồng, đánh giá, giám sát quá trình phục hồi loài rong câu chân vịt, tùy theo yêu cầu của dự án và yêu cầu của các cơ quan chức năng có thẩm quyền, có thể định kỳ hàng năm hoặc sau khi kết thúc dự án, tổng hợp xây dựng báo cáo kết quả phục hồi loài rong câu chân vịt. Báo cáo kết quả phục hồi đảm bảo một số nội dung sau:

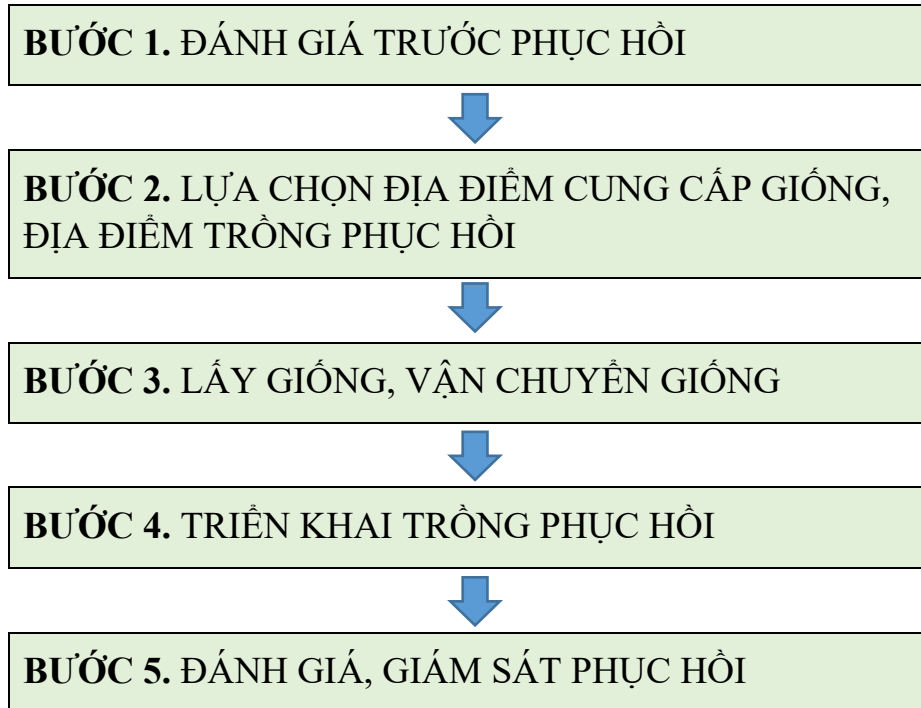
- Mục đích, yêu cầu, nội dung phục hồi rong câu chân vịt;
- Phương pháp triển khai thực hiện, đánh giá, giám sát;
- Kết quả tổ chức triển khai trồng phục hồi;
- Kết quả đánh giá khả năng sinh trưởng và phát triển rong câu chân vịt sau trồng phục hồi;

- Kết quả đánh giá khả năng thích nghi và phục hồi rong câu chân vịt;
- Các tác động, ảnh hưởng đến khả năng phục hồi rong câu chân vịt;
- Các giải pháp bảo tồn, quản lý hiệu quả và phát triển bền vững các khu vực phục hồi rong câu chân vịt.

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật

2.2.1. Sơ đồ hướng dẫn kỹ thuật

Sơ đồ tóm lược các bước hướng dẫn kỹ thuật trồng phục hồi rong câu chân vịt (*Hydropuntia eucheumatoides*) bằng phương pháp cấy cố định trên nền đáy tự nhiên như sau:



Sơ đồ tóm lược các bước hướng dẫn kỹ thuật trồng phục hồi rong câu chân vịt

2.2.2. Nội dung hướng dẫn kỹ thuật

Bước 1. Đánh giá trước phục hồi

- Thực hiện khảo sát bằng phương pháp Manta-tow để đánh giá nhanh, tổng thể khu vực điều tra, khu vực tiềm năng cho giống và trồng phục hồi thông qua một số chỉ tiêu ban đầu như vùng phân bố rạn san hô; đặc điểm, địa hình nền đáy; vùng phân bố, địa điểm phân bố tập trung rong câu chân vịt.
- Sau khi xác định được vùng phân bố của rong câu chân vịt, tiến hành khảo sát bằng phương pháp Reefcheck (lặn có khí

tài SCUBA) để xác định chi tiết một số chỉ tiêu như độ phủ rong biển; độ phủ rong câu chân vịt; phân bố, kích thước các tán rong câu chân vịt; các dạng hợp phần đáy nơi phân bố rong câu chân vịt.

- Đồng thời quan trắc một số yếu tố môi trường nền (nhiệt độ, độ muối, độ pH, hàm lượng oxy hoà tan trong nước, độ đục, độ trong, độ sâu, cường độ ánh sáng dưới nước, dòng chảy, sóng); hàm lượng muối dinh dưỡng vô cơ hoà tan (N-NO_2^- , N-NO_3^- , N-NH_4^+ , P-PO_4^{3-}) tại tầng nước sát đáy khu vực phân bố của rong câu chân vịt.

Kết quả đánh giá trước phục hồi được sử dụng để làm cơ sở lựa chọn địa điểm cung cấp giống, địa điểm trồng phục hồi rong câu chân vịt.

Bước 2. Lựa chọn địa điểm cung cấp giống, địa điểm trồng phục hồi

- Địa điểm cung cấp giống đảm bảo các chỉ tiêu sau:

+ Khu vực đang có rong câu chân vịt phân bố, có độ phủ trung bình $> 10\%$, trong đó có các bụi rong cho giống có kích thước > 20 cm, rong phát triển tốt, có đủ nguồn cung cấp nguồn giống cho khu vực trồng phục hồi.

+ Khu vực cho nguồn giống cách khu vực trồng phục hồi tốt nhất trong vòng khoảng 10 hải lý. Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc lấy giống và vận chuyển giống.

+ Điều kiện môi trường tại khu vực cung cấp giống và khu vực trồng phục hồi phải tương đối tương đồng nhau.

- Địa điểm trồng phục hồi đảm bảo các chỉ tiêu sau:

+ Khu vực trước đây đã từng có rong câu chân vịt phân bố hoặc đang có rong câu chân vịt phân bố nhưng có độ phủ thấp, trung bình $< 3\%$.

+ Khu vực dễ tiếp cận, có tính khả thi trong trồng phục hồi, có điều kiện tự nhiên, môi trường, đặc điểm nền đáy đá rạn san hô gắn kết thích hợp cho rong câu chân vịt sống và phát triển. Có điều kiện môi trường tương đồng với điều kiện môi trường khu vực cho giống. Cụ thể một số yếu tố môi trường đảm bảo: Nhiệt độ nước

25-30°C; độ muối 30-34‰; độ pH 7,0-8,5; hàm lượng ôxy hòa tan trong nước đạt 5,5-7,0 mg/l.

+ Khu vực được quản lý tốt, không bị ảnh hưởng bởi các tác động bất lợi của con người và tự nhiên, được địa phương đồng lòng cùng phục hồi và quản lý sau trồng phục hồi rong câu chân vịt.

Bước 3. Lấy giống, vận chuyển giống

- Thời điểm lấy giống, trồng phục hồi: Tháng 2-4 hàng năm.

- Yêu cầu về chất lượng giống: Giống rong câu chân vịt sử dụng để trồng phục hồi phải đảm bảo các tản rong giống còn nguyên vẹn, màu sắc sáng bóng, không dập nát, không bị tẩy trắng hay bị cá ăn.

- Phương tiện, công cụ khai thác: Sử dụng bộ thiết bị lặn sâu có khí tài SCUBA để tiếp cận và khai thác nguồn giống rong câu chân vịt tại các khu vực cung cấp nguồn giống, đảm bảo đúng yêu cầu và quy định, không gây tác hại đến bụi giống rong gốc và các hệ sinh thái biển. Thợ lặn sử dụng công cụ dao để cắt các tản rong câu chân vịt tại các khu vực rong câu chân vịt phân bố tập trung với mật độ cao theo đúng kích thước quy định. Quá trình lấy giống không làm ảnh hưởng đến bụi rong cho giống (không lấy quá lượng cho phép, không làm dập nát, gãy, bật gốc bụi rong), đảm bảo bụi rong cho giống vẫn phát triển bình thường trong điều kiện tự nhiên.

- Hình thức khai thác giống: Giống rong câu chân vịt được lấy theo phương pháp tách giống vô tính trực tiếp từ các bụi rong cho giống ở khu vực cung cấp nguồn giống.



Bụi rong giống gốc cho lấy giống và giống rong đảm bảo chất lượng sau khi tách khỏi bụi rong giống gốc

Tách tản giống rong câu chân vịt tránh làm tổn thương đến các bụi rong gốc cho giống. Lựa chọn các bụi rong cho giống có kích thước tối thiểu > 20 cm. Lượng giống lấy đi từ bụi rong cho giống tối ưu là 30%, nhưng không quá 50% sinh khối và đảm bảo bụi rong cho giống vẫn gắn chặt với nền đáy để duy trì bụi rong cho giống vẫn phát triển bình thường.

- Vận chuyển giống: Rong câu chân vịt sau khai thác được vận chuyển ẩm, sử dụng miếng vải mỏng có thấm nước biển phủ lên rong giống để tránh ánh nắng và làm rong bị mất nước hoặc có thể vận chuyển trong các thùng chứa nước biển, sục khí liên tục và vận chuyển nhanh chóng đến các điểm trồng phục hồi hoặc khu vực nuôi phục hồi trước khi trồng. Thời gian từ lúc lấy giống, vận chuyển đến điểm trồng phục hồi hoặc khu vực nuôi phục hồi không nên quá 3 giờ.

- Nuôi phục hồi rong giống: Các bụi rong cho giống sau khi vận chuyển đến điểm trồng phục hồi hoặc khu vực nuôi phục hồi, sử dụng dao để cắt thành các tản rong giống có kích thước chiều dài khoảng 8-10 cm, khối lượng khoảng 30-50 g/tản. Có thể tiến hành trồng phục hồi luôn các

tản rong giống sau khi cắt hoặc tiến hành nuôi phục hồi trên bể trước khi trồng phục hồi.

Rong giống được nuôi phục hồi sau khi cắt giống nhằm đảm bảo nhánh rong khỏe mạnh, giúp rong hồi phục lại các vết thương trong quá trình thu hoạch và cắt giống. Rong được nuôi phục hồi trong các bể nước biển được lọc sạch với điều kiện môi trường tương tự khu vực lấy giống và trồng phục hồi như: Nhiệt độ nước 25-30°C; độ muối 30-34‰; độ pH 7,0-8,5; sục khí mạnh để nước luân chuyển với hàm lượng oxy hòa tan trong nước đạt 5,5-7,0 mg/l.

Rong giống được buộc, ghim trên các giá thể lưới inox, cách đáy khoảng 10-20 cm; mật độ rong nuôi khoảng 3-5 kg/m², thời gian nuôi phục hồi khoảng 48-72 giờ. Sau khi nuôi phục hồi, rong được kiểm tra các thông số về màu sắc, mức độ lành vết thương, sau đó sẽ được chuyển ra khu vực trồng phục hồi.

Bước 4. Triển khai trồng phục hồi

- Phương pháp trồng: Tiến hành trồng phục hồi rong câu chân vịt bằng phương pháp cấy cố định trên nền đáy tự nhiên tại

khu vực trồng phục hồi lựa chọn theo các phương pháp sau:

+ Trồng cố định trực tiếp trên nền đáy tự nhiên: Sử dụng nẹp để cố định rong trên nền đáy, dùng búa đóng 2 đinh bê tông cách nhau 3-5 cm ở hai đầu nẹp vào nền đáy, đảm bảo đinh đóng vững chắc trên nền đáy và rong cố định chắc chắn trong

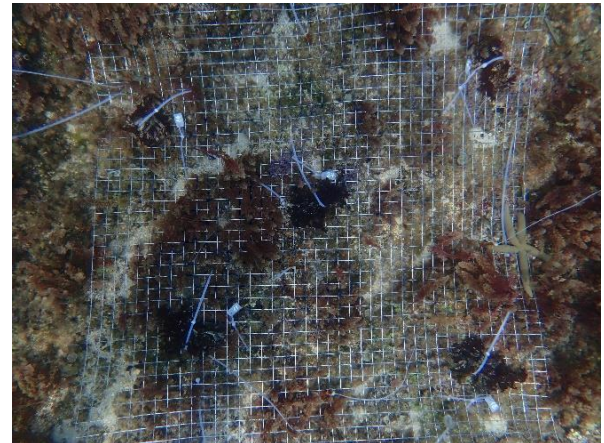
nẹp trên nền đáy. Cũng có thể sử dụng 2 đinh đóng hình chữ V ngược để kẹp rong giống vào giữa, sử dụng dây rút nhựa cố định hai đầu đinh và tản rong giống giữ vững chắc vào giá thể đinh, đảm bảo tản rong giống có diện tích tiếp xúc lớn nhất với nền đáy.



Trồng trực tiếp rong trên nền đáy tự nhiên

+ Trồng trên giá đỡ lưới inox và cố định trực tiếp xuống nền đáy: Sử dụng vật liệu lưới inox mềm ép sát trên nền đáy làm giá thể trồng rong câu chân vịt. Sử dụng đinh sắt đóng lưới inox xuống nền đáy tại

4 góc lưới và điểm giữa của lưới, sau đó ép lưới inox sát xuống nền đáy, sử dụng dây lạt nhựa để ghim các tản rong câu chân vịt giống trên lưới inox.



Lưới inox mềm làm giá đỡ để trồng phục hồi

- Mật độ trồng: 4-5 tản/m² nền đáy.
Kích thước chiều dài tản rong giống

khoảng 8-10 cm, khối lượng khoảng 30-50 g/tản.

- Chăm sóc, theo dõi: Chú ý theo dõi rong bị sóng hay dòng triều làm trôi, nổi, lung lay hay cũng có thể bị trầm tích vùi lấp để cố định lại. Rong thích nghi tốt sẽ nảy chồi, phát triển và bò lan ra nền đáy. Cần thiết có thể trồng dặm lại các nơi bị hư hại.

- Quản lý tốt khu vực trồng, sử dụng phao nổi đánh dấu khu vực trồng phục hồi. Không đi lại, giẫm đạp trong khu vực trồng phục hồi. Cấm các loại ghe thuyền

hay các hình thức khai thác, đánh bắt ảnh hưởng đến rong khu vực trồng phục hồi.

Bước 5. Đánh giá, giám sát phục hồi

- Đánh giá phục hồi: Sau khi trồng phục hồi, tiến hành đánh dấu ít nhất 30 bụi rong câu chân vịt tại mỗi điểm trồng phục hồi để phân tích, đánh giá khả năng sinh trưởng và phát triển của rong câu chân vịt.



Đánh số 30 bụi rong/điểm trồng phục hồi để đánh giá

+ Đánh giá tốc độ tăng trưởng về kích thước tản, tăng trưởng về khối lượng: Đo kích thước tản (độ dài nhất của tản rong) bằng thước chia vạch; cân khối lượng tản rong bằng cân điện tử, sau khi thực hiện xong trồng lại tại điểm phục hồi theo công thức:

$$L = [(W_t / W_o)^{1/t} - 1] \times 100$$

Trong đó: L là tốc độ tăng trưởng về kích thước hoặc khối lượng (%/ngày); W_o là kích thước tản hoặc khối lượng rong ban đầu (cm/tản hoặc g/tản); W_t là kích thước tản hoặc khối lượng rong sau n ngày trồng (cm/tản hoặc g/tản); t là thời gian trồng (ngày).

+ Đánh giá phát triển về độ phủ theo khung định lượng (kích thước: chiều dài x chiều rộng = 1 m x 1 m). Mỗi khung định lượng chia ra thành 100 ô nhỏ, kích thước mỗi ô nhỏ: chiều dài x chiều rộng = 10 cm x 10 cm. Tiến hành đánh giá độ phủ rong biển bằng cách đếm số ô nhỏ trong khung định lượng mà rong câu chân vịt che phủ.

+ Đánh giá tỷ lệ sống: Đếm số lượng các tản rong phát triển còn lại (số tản rong giống được trồng và phát triển tại khu vực trồng phục hồi) so với số lượng các tản rong giống trồng phục hồi ban đầu. Các tản rong giống bị mất mát do sóng đánh trôi, bị cá ăn, bị chết hay hao hụt trong quá trình trồng phục hồi do cả yếu tố khách

quan và chủ quan đều được tính vào tỷ lệ sống của rong trồng phục hồi theo công thức:

$$T_s = \frac{A-B}{A} \times 100$$

Trong đó: T_s là tỷ lệ sống; A là số tán rong trồng ban đầu; B là số tán bị chết hoặc mất đi.

+ Đánh giá năng suất trồng tính theo m^2 bằng cách cân toàn bộ khối lượng rong câu chân vịt trong phạm vi nền đáy $1 m^2$.

+ Đánh giá khả năng thích nghi, phục hồi của loài rong câu chân vịt, khả năng phát triển, bám vào giá thể nền đáy, khả năng nảy chồi, lan tỏa trên nền đáy bằng phương pháp quan sát trực tiếp, đối chiếu với các lần quan sát trước đó.



Bụi rong lúc trồng và sau khoảng 2 tháng trồng phục hồi

- Giám sát phục hồi: Việc giám sát phục hồi được thực hiện bằng phương pháp Manta-tow (khảo sát tổng thể), phương pháp Reefcheck (khảo sát chi tiết) theo thời gian và định kỳ. Tùy theo thời vụ phát triển của rong câu chân vịt, nguồn kinh phí, yêu cầu của dự án có thể tiến

hành giám sát theo hàng tháng, hàng quý hay theo năm. Các chỉ tiêu giám sát có thể bao gồm tốc độ tăng trưởng về kích thước tán, tăng trưởng về khối lượng, độ phủ, tỷ lệ sống, năng suất, khả năng phục hồi của loài rong câu chân vịt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Anh Duy (2020). Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng nguồn lợi và khả năng khai thác, nuôi trồng các loài rong biển kinh tế tại các đảo tiền tiêu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Mã số KC.09.10/16-20. Viện Nghiên cứu Hải sản, Hải Phòng.
2. Guiry, M.D. & Guiry, G.M. (2024). “AlgaeBase”, Available: World-wide electronic publication, National University of Ireland, Galway (taxonomic information republished from AlgaeBase with permission of M. D. Guiry), *Hydropuntia eucheumatoides* (Harvey) Gurgel & Fredericq, 2004.
3. Lê Như Hậu & Nguyễn Hữu Đại (2010). Rong câu Việt Nam, nguồn lợi và sử dụng. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Hà Nội.
4. Phạm Hoàng Hộ (1969). Rong biển Việt Nam - Phần phía Nam. Bộ Giáo dục và Thanh niên, Trung tâm Học liệu xuất bản Sài Gòn.
5. Terada, R. & Yamamoto, H. (2002). Additional notes on *Gracilaria eucheumatoides* Harvey from Vietnam. In: Taxonomy of Economic Seaweeds with reference to some Pacific species, La Jolla: California Sea Grant College (Abbott, I.A. & Mcdermid, K.J. eds), vol. VIII: 225-230.
6. Tsutsui Isao, Huỳnh Quang Năng, Nguyễn Hữu Dinh, Arai Shogo & Yushida Tadao (2005). Thực vật biển thường thấy ở phía Nam. Hội rong biển Nhật Bản. Hoozuki-Syoseki.
7. Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam (2007). Sách Đỏ Việt Nam - Phần II: Thực vật. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
8. Vo, T.T., Tran, M.D., Vu, T.M., Dang, X.C., Le, T.N., & Tran, V.H. (2022). The biomass characteristics of *Hydropuntia eucheumatoides* (Harvey) in the tidal beach of Hon Rua island, Nha Trang Bay: Potential source for exploitation, culture, and food processing. Academia Journal of Biology 44(2): 105-114.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN



Toàn cảnh buổi làm việc với chuyên gia Úc về xây dựng chương trình Hội thảo tập huấn sử dụng DNA trong nghiên cứu và truy xuất nguồn gốc



Gian hàng trưng bày sản phẩm của Viện NCHS tại Hội chợ Mùa thu năm 2025



Tổ chức triển khai trồng phục hồi thảm cỏ biển tại khu vực Bãi Bắc thuộc Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm



VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN

RESEARCH INSTITUTE FOR MARINE FISHERIES (RIMF)

224 Lê Lai - Ngõ Quyển - Hải Phòng; Tel:(84-225)-3837898/3836656; Fax:(84-225)-3836812; Email: vhs@rimf.org.vn; Website: www.rimf.org.vn

VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN

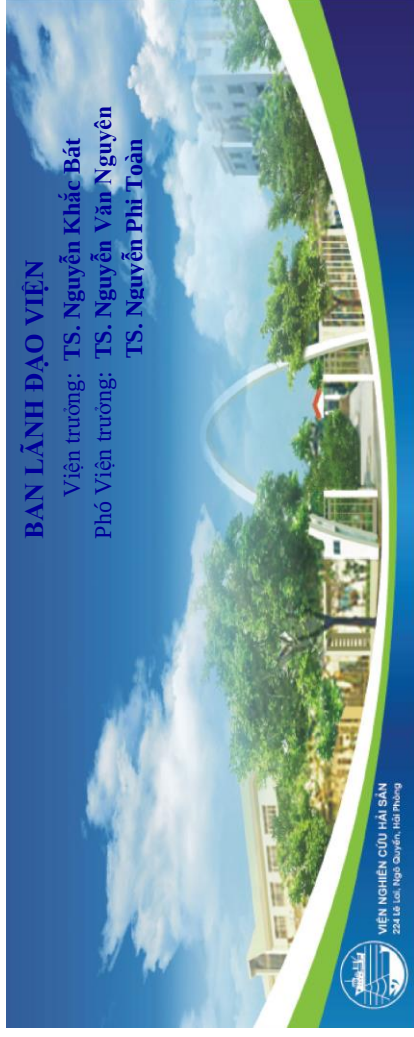
- Quyết định số 28/CP ngày 24/01/1975 của Chính phủ về việc thành lập Viện nghiên cứu Hải sản
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN số A-1340 ngày 22/7/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN
- Quyết định số 466/QĐ-BNN-TCCB ngày 06/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện nghiên cứu Hải sản

CHỨC NĂNG

Viện nghiên cứu Hải sản là đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo, hợp tác quốc tế, tư vấn và dịch vụ về bảo tồn và phát triển nguồn lợi hải sản; khai thác, chế biến hải sản trong phạm vi cả nước.

NHIỆM VỤ

- Xây dựng và trình Bộ:
 - Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm, hàng năm các chương trình, dự án về khai thác, bảo tồn và phát triển nguồn lợi hải sản và tổ chức thực hiện sau khi được Bộ phê duyệt;
 - Tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế, kỹ thuật, quy trình, quy phạm, hướng dẫn kỹ thuật trong lĩnh vực về khai thác; bảo tồn và phát triển nguồn lợi hải sản thuộc nhiệm vụ của Viện theo quy định của pháp luật.
- Nghiên cứu cơ bản có định hướng:
 - Cơ sở khoa học về công nghệ viễn thám, hải dương học và sinh thái học; nghiên cứu nguồn lợi hải sản, quy luật biến động nguồn lợi hải sản và sinh học nghề cá phục vụ dự báo ngư trường khai thác và quản lý nghề cá;
 - Mối quan hệ giữa môi trường, nguồn lợi hải sản và nghề cá biển; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến nghề cá biển; để xuất các phương án, giải pháp xử lý ô nhiễm môi trường và quản lý môi trường biển; vì sinh vật trong xử lý môi trường; các biện pháp khôi phục, tái tạo và phát triển nguồn lợi hải sản;
 - Các vấn đề kinh tế - xã hội nghề cá; mô hình quản lý nghề cá; mô hình tổ chức sản xuất, khai thác trên biển; đa dạng sinh học và bảo tồn biển.
- Nghiên cứu ứng dụng tổng hợp:
 - Công nghệ sinh học trong các lĩnh vực: cấu trúc gen, di truyền, chọn giống hải sản, lưu giữ và phát triển nguồn gen hải sản các loài quý hiếm;
 - Công nghệ nuôi trồng hải sản, bao gồm: sản xuất giống, kỹ thuật nuôi trồng, dinh dưỡng và thức ăn, phòng trị bệnh, thuần hóa lai tạo các đối tượng nuôi mới, đối tượng mới của nghề nuôi trồng hải sản, môi trường nuôi;
 - Công nghệ khai thác hải sản phù hợp với đối tượng và ngư trường khai thác;
 - Chiết xuất các chất có hoạt tính sinh học cao từ sinh vật biển phục vụ y dược và thực phẩm chức năng;
 - Cải tiến và tiêu chuẩn hóa các loại ngư cụ, vật liệu dùng trong nghề cá biển, cơ khí tàu thuyền, giải pháp hiện đại hóa tàu cá và khai thác bền vững;
 - Cải tiến công nghệ bảo quản sau thu hoạch, chế biến thủy sản.
- Điều tra, đánh giá trữ lượng và khả năng khai thác bền vững nguồn lợi hải sản; các hệ sinh thái làm cơ sở khoa học cho việc sử dụng hợp lý tài nguyên sinh vật biển.
- Quan trắc cảnh báo môi trường biển và dịch bệnh hải sản.
- Tham gia xây dựng quy hoạch không gian biển và quản lý các khu bảo tồn biển; xây dựng các bản đồ về nguồn lợi hải sản.
- Đào tạo sau đại học, đào tạo chuyển đổi phục vụ phát triển nguồn nhân lực; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghề cá biển theo quy định của pháp luật.
- Thông tin khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ tin học và viễn thám trong nghiên cứu hải sản; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu nghề cá biển; xây dựng bảo tàng và phòng mẫu vật chuẩn về nguồn lợi, đa dạng sinh học biển, các ngư cụ, phương tiện khai thác và nuôi trồng hải sản.
- Quyết định việc mời chuyên gia, các nhà khoa học nước ngoài vào Việt Nam và cử công chức, viên chức ra nước ngoài công tác theo quy định của pháp luật hiện hành và phân cấp quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Tham gia hoạt động khuyến ngư, chuyển giao công nghệ nghề cá biển đối với các thành phần kinh tế: liên doanh liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thủy sản theo quy định của pháp luật.
- Tư vấn, dịch vụ khoa học công nghệ thuộc các lĩnh vực nghiên cứu được giao theo quy định của pháp luật.
- Xây dựng trình Bộ đề án trị việc làm; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức theo ngành, số lượng viên chức theo chức danh nghề nghiệp và người lao động theo phân cấp quản lý của Bộ và quy định của pháp luật.
- Quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.



BAN LÃNH ĐẠO VIỆN

Viện trưởng: TS. Nguyễn Khắc Bát
Phó Viện trưởng: TS. Nguyễn Văn Nguyên
TS. Nguyễn Phi Toàn



VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN
224 Lê Lai, Ngõ Quyển, Hải Phòng

CƠ CẤU TỔ CHỨC ORGANIZATION

